

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; bãi bỏ lĩnh vực Giải quyết tố cáo và Động viên quân đội thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BQP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Bộ Quốc phòng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-BQP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Bộ Quốc phòng về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính lĩnh vực động viên quân đội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Công văn số 821BCH-VP ngày 22 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; bãi bỏ lĩnh vực Giải quyết tố cáo và Động viên quân đội thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (*Phụ lục 01, 02*).

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu Công Dịch vụ công quốc gia. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận và trả kết quả.

Giao UBND cấp huyện, UBND cấp xã niêm yết, công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT.

2

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



ml

Trần Xuân Hải



Phụ lục 2
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT
TỐ CÁO, ĐỘNG VIÊN QUÂN ĐỘI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ
CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

TT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp huyện			
01	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương
02	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14; Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ	Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm của Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương

2. Lĩnh vực động viên quân đội

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp huyện			
01	Thủ tục đăng ký lần đầu đối với phương tiện kỹ thuật bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội (chủ phương tiện là cá nhân)	Nghị định số 04/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định danh mục phương tiện kỹ thuật dự bị và việc đăng ký, quản lý phương tiện	Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện

Phụ lục 01

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH ĐẮK NÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 609 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Thanh tra Quốc phòng/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông					
1	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương	<p>1. Thành phần hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo. + Các tài liệu liên quan. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Thụ lý tố cáo</p> <p>Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao cơ quan Thanh tra hoặc cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo có thể giao các cơ quan, đơn vị thuộc Cục, Sư đoàn, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và cấp tương đương xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo, Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018. + Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo số 25/2018/QH14. - Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân. - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ



TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn tố cáo.</p> <p>+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản.</p> <p>- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.</p> <p>- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ</p>		<p>chức thi hành Luật Tố cáo.</p> <p>- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết. Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo - Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng. - Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho cơ quan thanh tra cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này. - Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý



TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo, Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.</p> <p>- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.</p> <p>- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.</p> <p>- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.</p> <p>Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo</p> <p>Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định 31/2019/NĐ-CP:</p> <p>- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:</p> <p>+ Kết quả xác minh nội dung tố cáo.</p> <p>+ Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>phạm pháp luật</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo. + Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật. + Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. <p>Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo. <p>Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo</p> <p>Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người có ý tố cáo sai sự thật. + Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. - Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý. <p>Người giải quyết tố cáo theo dõi, đôn đốc hoặc giao cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục giải quyết tố cáo cấp Trung đoàn, Lữ đoàn, Ban Chỉ huy quân sự huyện, Đồn Biên phòng và cấp tương đương	1. Thành phần hồ sơ + Đơn tố cáo hoặc văn bản ghi nội dung tố cáo. + Các tài liệu liên quan. 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.	<p>luận nội dung tố cáo thì cơ quan, đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết</p> <p>Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p> <p>1. Trình tự thực hiện Bước 1: Thụ lý tố cáo</p> <p>Trước khi thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo tự mình hoặc giao Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo. Trường hợp người tố cáo không cư trú tại địa bàn quản lý hoặc gặp khó khăn trong việc xác minh thì người giải quyết tố cáo tự mình xác minh thông tin cần thiết phục vụ việc ra quyết định thụ lý tố cáo. Người giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý tố cáo khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tố cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Tố cáo năm 2018. + Trường hợp tố cáo được thực hiện bằng đơn thì trong đơn tố cáo phải ghi rõ ngày, tháng, năm tố cáo; họ, tên, địa chỉ của người tố cáo, cách thức liên hệ với người tố cáo; hành vi vi 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tố cáo số 25/2018/QH14. - Nghị định số 28/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân. - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của



TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>phạm pháp luật bị tố cáo; người bị tố cáo và các thông tin khác có liên quan. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì trong đơn tố cáo còn phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ, cách thức liên hệ với từng người tố cáo; họ tên của người đại diện cho những người tố cáo. Người tố cáo phải ký tên hoặc điền chỉ vào đơn tố cáo.</p> <p>+ Trường hợp người tố cáo đến tố cáo trực tiếp tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu người tố cáo ký tên hoặc điền chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo về cùng một nội dung thì người tiếp nhận hướng dẫn người tố cáo cử đại diện viết đơn tố cáo hoặc ghi lại nội dung tố cáo bằng văn bản và yêu cầu những người tố cáo ký tên hoặc điền chỉ xác nhận vào văn bản.</p> <p>- Người tố cáo có đủ năng lực hành vi dân sự; trường hợp không có đủ năng lực hành vi dân sự thì phải có người đại diện theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tố cáo.</p> <p>- Nội dung tố cáo có cơ sở để xác định người vi phạm, hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>Trường hợp tố cáo xuất phát từ vụ việc khiếu nại đã được giải quyết đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng người khiếu nại không đồng ý mà chuyển sang</p>		<p>Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.</p> <p>- Quyết định số 5166/QĐ-BQP ngày 11/11/2019 của Bộ Quốc phòng ban hành danh mục mẫu văn bản sử dụng trong hoạt động thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo trong Bộ Quốc phòng./.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>tố cáo người đã giải quyết khiếu nại thì chỉ thụ lý tố cáo khi người tố cáo cung cấp được thông tin, tài liệu, chứng cứ để xác định người giải quyết khiếu nại có hành vi vi phạm pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.</p> <p>Bước 2: Xác minh nội dung tố cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người giải quyết tố cáo tự mình tiến hành xác minh hoặc thành lập Đoàn xác minh tố cáo hoặc Tổ xác minh tố cáo (sau đây gọi chung là Tổ xác minh). Trường hợp thành lập Tổ xác minh thì phải có từ hai người trở lên, trong đó giao cho một người làm Tổ trưởng. - Trường hợp người giải quyết tố cáo giao cho Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp hoặc tổ chức, cá nhân khác xác minh nội dung tố cáo thì văn bản giao xác minh nội dung tố cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Tố cáo. Cán bộ phụ trách thanh tra kiêm nhiệm cùng cấp hoặc tổ chức, cá nhân khác được giao nhiệm vụ xác minh nội dung tố cáo (gọi chung là người xác minh nội dung tố cáo) có trách nhiệm thành lập Tổ xác minh theo quy định tại khoản 1 Điều này. - Văn bản giao xác minh nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây: Ngày, tháng, năm giao xác minh; người được giao xác minh nội dung tố cáo; họ tên, địa chỉ của người bị tố cáo; tên 		



TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>gọi, trụ sở của cơ quan, tổ chức bị tố cáo; nội dung cần xác minh; thời gian tiến hành xác minh; quyền và trách nhiệm của người được giao xác minh nội dung tố cáo.</p> <p>- Người xác minh nội dung tố cáo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để thu thập thông tin, tài liệu, làm rõ nội dung tố cáo. Thông tin, tài liệu thu thập phải được ghi chép thành văn bản, khi cần thiết thì lập thành biên bản, được lưu giữ trong hồ sơ vụ việc tố cáo.</p> <p>- Trong quá trình xác minh, người xác minh nội dung tố cáo phải tạo điều kiện để người bị tố cáo giải trình, đưa ra các chứng cứ để chứng minh tính đúng, sai của nội dung cần xác minh.</p> <p>- Người xác minh nội dung tố cáo được thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 và các điểm a, b, c khoản 2 Điều 11 của Luật Tố cáo năm 2018 theo phân công của người giải quyết tố cáo.</p> <p>- Kết thúc việc xác minh nội dung tố cáo, người xác minh nội dung tố cáo phải có văn bản báo cáo người giải quyết tố cáo về kết quả xác minh nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý.</p> <p>Bước 3: Kết luận nội dung tố cáo</p> <p>Theo quy định tại Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 17 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:</p> <p>- Căn cứ vào nội dung tố cáo, giải trình của người bị tố cáo, kết quả xác minh nội dung tố cáo, tài liệu, chứng cứ có liên quan, người giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo. Kết</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>luận nội dung tố cáo có các nội dung chính sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết quả xác minh nội dung tố cáo. + Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật. + Kết luận về nội dung tố cáo là đúng, đúng một phần hoặc tố cáo sai sự thật; xác định trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung tố cáo. + Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền cần thực hiện; kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có vi phạm pháp luật. + Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật, áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. <p>Trường hợp giải quyết lại vụ việc tố cáo thì ngoài các nội dung trên, người giải quyết tố cáo kết luận về những nội dung vi phạm pháp luật, sai lầm hoặc không phù hợp của việc giải quyết tố cáo trước đó (nếu có); xử lý theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo, kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết tố cáo trước đó.</p> <p>- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết</p>		



TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>luyện nội dung tố cáo đến người tố cáo.</p> <p>Bước 4: Xử lý kết luận nội dung tố cáo</p> <p>Theo quy định tại Điều 36 Luật Tố cáo năm 2018 và Điều 18 Nghị định số 31/2019/NĐ-CP:</p> <p>- Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý như sau:</p> <p>+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo không vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố cáo bị xâm phạm do việc tố cáo không đúng sự thật gây ra, đồng thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người cố ý tố cáo sai sự thật.</p> <p>+ Trường hợp kết luận người bị tố cáo vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ thì áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp hành vi vi phạm của người bị tố cáo có dấu hiệu của tội phạm thì chuyển ngay hồ sơ vụ việc đến Cơ quan điều tra hình sự hoặc Viện kiểm sát quân sự có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý, cơ quan, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị trong kết luận nội dung tố cáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người giải quyết tố cáo về kết quả xử lý.</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ; Số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Người giải quyết tố cáo theo dõi, đơn đốc hoặc giao cho tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo. Trường hợp giao cho tổ chức, đơn vị có thẩm quyền theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo thì đơn vị, cá nhân đó phải định kỳ hàng tháng báo cáo với người giải quyết tố cáo về kết quả theo dõi, đơn đốc việc thực hiện kết luận nội dung tố cáo.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết</p> <p>Theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018: Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.</p>		

100